

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN SÁNG KIẾN CỘNG ĐỒNG VÀ MÔI TRƯỜNG (C&E)

Trung tâm Phát triển Sáng kiến Cộng đồng và Môi trường (C&E) là một tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận. C&E hoạt động nhằm thúc đẩy sự tham gia cũng như tăng cường năng lực cho các tổ chức/nhóm cộng đồng để giải quyết tốt hơn các vấn đề môi trường liên quan đến cuộc sống của chính họ và cộng đồng, góp phần phát triển xã hội dân sự và phát triển bền vững môi trường ở Việt Nam.

Trung tâm được hình thành trên nền tảng kế thừa nhân sự và kinh nghiệm của Quỹ Môi trường Sida (SEF) (1997-2008) do Đại sứ quán Thụy Điển tại Hà Nội thành lập. Sáng lập viên Trung tâm là các thành viên Nhóm Cố vấn của Quỹ SEF là những người đã và đang hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực môi trường và phát triển bền vững với mục tiêu tăng cường năng lực cho các tổ chức cộng đồng, nâng cao nhận thức môi trường cho công chúng và thúc đẩy mạng lưới xã hội dân sự về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên.

Trung tâm được thành lập theo quyết định số 1202/QĐ-LHH ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam. Trung tâm được cấp giấy phép hoạt động số A-754 ngày 12 tháng 9 năm 2008 của Bộ Khoa học Công nghệ.

Tầm nhìn: C&E mong muốn trong tương lai ở Việt Nam các cộng đồng địa phương, các nhóm và các tổ chức tham gia tích cực trong các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên và duy trì cuộc sống bền vững.

Sứ mệnh: C&E hoạt động nhằm hỗ trợ cộng đồng địa phương, các tổ chức cộng đồng và các tổ chức xã hội dân sự thực hiện các sáng kiến về bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như thúc đẩy quá trình phát triển bền vững.

Mục đích :

- Hỗ trợ các tổ chức cộng đồng, các tổ chức xã hội dân sự nâng cao nhận thức về quyền và năng lực để tiếp cận và sử dụng các nguồn lực xã hội cho phát triển sinh kế bền vững, quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Hợp tác và hỗ trợ các nhóm/tổ chức xã hội nghề nghiệp và các tổ chức phi chính phủ địa phương nâng cao năng lực hỗ trợ các tổ chức cộng đồng, vận động chính sách về môi trường và phát triển cũng như năng lực trong giám sát các chính sách và chương trình dự án của chính phủ.
- Thành lập và duy trì mạng lưới trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhóm/tổ chức và các bên có quan tâm.

Lĩnh vực hoạt động

- Bảo tồn và Quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên
- Bảo vệ môi trường và Biến đổi khí hậu
- Phát triển xã hội dân sự và sự tham gia của người dân
- Bình đẳng giới

Chương trình và các hoạt động

- Nghiên cứu và triển khai các chương trình dự án
- Xây dựng năng lực
- Vận động chính sách
- Giáo dục và truyền thông
- Kết nối mạng lưới

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN SÁNG KIẾN CỘNG ĐỒNG VÀ MÔI TRƯỜNG (C&E)

Số 12, Ngõ 89, Phố Xã Đàn, Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 (0) 4 35738536 / Fax: +84 (0) 4 35738537
E-mail: office@sef.org.vn
Website: www.ce-center.org.vn / www.sef.org.vn



DỰ ÁN “XÂY DỰNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ RỪNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TẠI THỦA THIỀN-HUẾ VÀ QUẢNG NAM: TIẾP CẬN DỰA TRÊN QUYỀN CỦA NGƯỜI DÂN”



HƯỚNG DẪN

KỸ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG VÀ KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM



Hà Nội, tháng 8 năm 2011
(Tài liệu nội bộ)

HƯỚNG DẪN
KỸ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH
TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM
QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG
VÀ KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

NHÓM BIÊN SOẠN:

KS. Phạm Ngọc Dũng

ThS. Hoàng Thanh Tâm

CN. Bùi Thị Thanh Thủy

ThS. Hoàng Hồng Hạnh

KS. Vũ Quốc Phương

KS. Nguyễn Tân Sinh

KS. Lý Hòa Khương

ThS. Huỳnh Quang Nhã

Trong tài liệu có sử dụng hình ảnh và tư liệu của các đồng nghiệp tài trợ.
Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.

LỜI CẢM ƠN

Trong khuôn khổ dự án “Xây dựng năng lực quản lý rừng dựa vào cộng đồng tại Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam: tiếp cận dựa trên quyền của người dân”, được sự hỗ trợ về tài chính của Tổ chức Rosa Luxemburg Stiftung Việt Nam, Trung tâm Phát triển Sáng kiến Cộng đồng và Môi trường (C&E) phối hợp Chi hội Bảo tồn thiên nhiên Thừa Thiên - Huế (NC) và Chi Cục Kiểm lâm Quảng Nam, đã tập hợp một nhóm chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng, biên soạn bộ tài liệu tập huấn “Nâng cao năng lực quản lý rừng cộng đồng cho cộng đồng tại hai tỉnh Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam: tiếp cận dựa trên quyền”.

Bộ tài liệu này gồm 10 nội dung được xây dựng dựa trên các kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo của người dân và cán bộ địa phương tại Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam. Sau khi sử dụng bộ tài liệu này tại các khóa tập huấn cho 8 xã thuộc 4 huyện của hai tỉnh này, C&E cùng với nhóm chuyên gia đã tiến hành bổ sung, điều chỉnh và hiệu đính lại thành ba cuốn tài liệu hướng dẫn: (1) Phương thức quản lý rừng cộng đồng: tiếp cận dựa trên quyền; (2) Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động nhóm quản lý rừng cộng đồng và kỹ năng làm việc nhóm; (3) Hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc một số cây gỗ và lâm sản ngoài gỗ và kỹ thuật gây nuôi một số động vật rừng.

Chúng tôi xin cảm ơn các chuyên gia đã cùng chúng tôi xây dựng và hoàn thiện các tài liệu này, đó là: KS. Phạm Ngọc Dũng, KS. Nguyễn Tân Sinh, KS. Lý Hòa Khương, KS Huỳnh Quang Nhã, ThS. Hoàng Thanh Tâm, CN. Bùi Thị Thanh Thủy, ThS. Hoàng Hồng Hạnh, và KS. Vũ Quốc Phương. Chúng tôi đánh giá cao những ý kiến từ thực tiễn của các học viên tham gia các khóa tập huấn giúp chúng tôi hoàn thiện các cuốn sách một cách thiết thực và phù hợp với cộng đồng.

Chúng tôi bày tỏ lời cảm ơn chân thành đối với của Tổ chức Rosa Luxemburg Stiftung Việt Nam đã tài trợ cho các hoạt động có ý nghĩa đối với cộng đồng.

Hoàng Thanh Tâm
Giám đốc
Trung tâm Phát triển Sáng kiến Cộng đồng và Môi trường (C&E)

LỜI GIỚI THIỆU

Trong vài thập niên gần đây khi nền kinh tế phát triển nhanh chóng, Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới đã và đang phải đối mặt với nhiều vấn đề suy thoái môi trường và sự mất đi của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên rừng. Việc bảo vệ các diện tích rừng tự nhiên hiện còn ở Việt Nam là một vấn đề cấp bách đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn từ các tổ chức lâm nghiệp và các tổ chức liên quan. Mặc dù đã có nhiều chính sách và thể chế cho công tác bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, nhưng rừng vẫn tiếp tục bị tàn phá. Bởi vậy sự tham gia của người dân trong việc bảo vệ rừng tự nhiên có ý nghĩa vô cùng quan trọng bên cạnh các nỗ lực của các cơ quan quản lý nhà nước. Chính vì vậy mà Quản lý rừng tự nhiên dựa vào cộng đồng là một giải pháp phù hợp cân đối giữa việc bảo vệ môi trường và những lợi ích của cộng đồng bản địa. Nó giúp chia sẻ lợi ích thu được từ rừng một cách công bằng và bền vững nhằm thu hút sự tham gia của cộng đồng bảo vệ diện tích rừng hiện còn. Ngoài ra, quản lý rừng tự nhiên dựa vào cộng đồng còn phù hợp với xu thế quản lý rừng bền vững, góp phần làm giảm những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu mà Nhà nước và cộng đồng quốc tế đang rất quan tâm.

Rosa Luxemburg Stiftung (RLS) là một tổ chức chính trị của Đức, làm việc tại 16 quốc gia trên thế giới. Mục tiêu hoạt động của RLS ở Việt Nam là nhằm trợ giúp quá trình chuyển đổi của đất nước từ một nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, RLS Việt Nam đang hoạt động trên nhiều lĩnh vực, bao gồm cả môi trường. Để đáp ứng nhiệm vụ này, RLS đã tài trợ trung tâm C&E - một tổ chức phi chính phủ có kinh nghiệm trong lĩnh vực này để thực hiện dự án “Xây dựng năng lực quản lý rừng tự nhiên dựa vào cộng đồng: tiếp cận dựa trên quyền” tại miền Trung Việt Nam, điển hình là Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam là hai tỉnh miền núi có nguồn tài nguyên rừng phong phú cần có những mô hình thích hợp nhằm cân bằng giữa việc bảo vệ rừng và những lợi ích của cộng đồng dân tộc

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để có thể phát huy hiệu quả các quyền và nghĩa vụ của người dân trong quản lý và bảo vệ rừng? Để giải quyết vấn đề này thì cách tiếp cận dựa trên quyền của người dân trong quản lý rừng là cần thiết. Tuy nhiên, để có thể thúc đẩy mạnh hơn nữa quá trình này thì cần tăng cường năng lực cho người dân cũng như các bên liên quan về quyền và nghĩa vụ cũng như cần có các nghiên cứu sâu hơn để có thể cung cấp những bằng chứng cụ thể nhằm vận động chính sách cho vấn đề này.

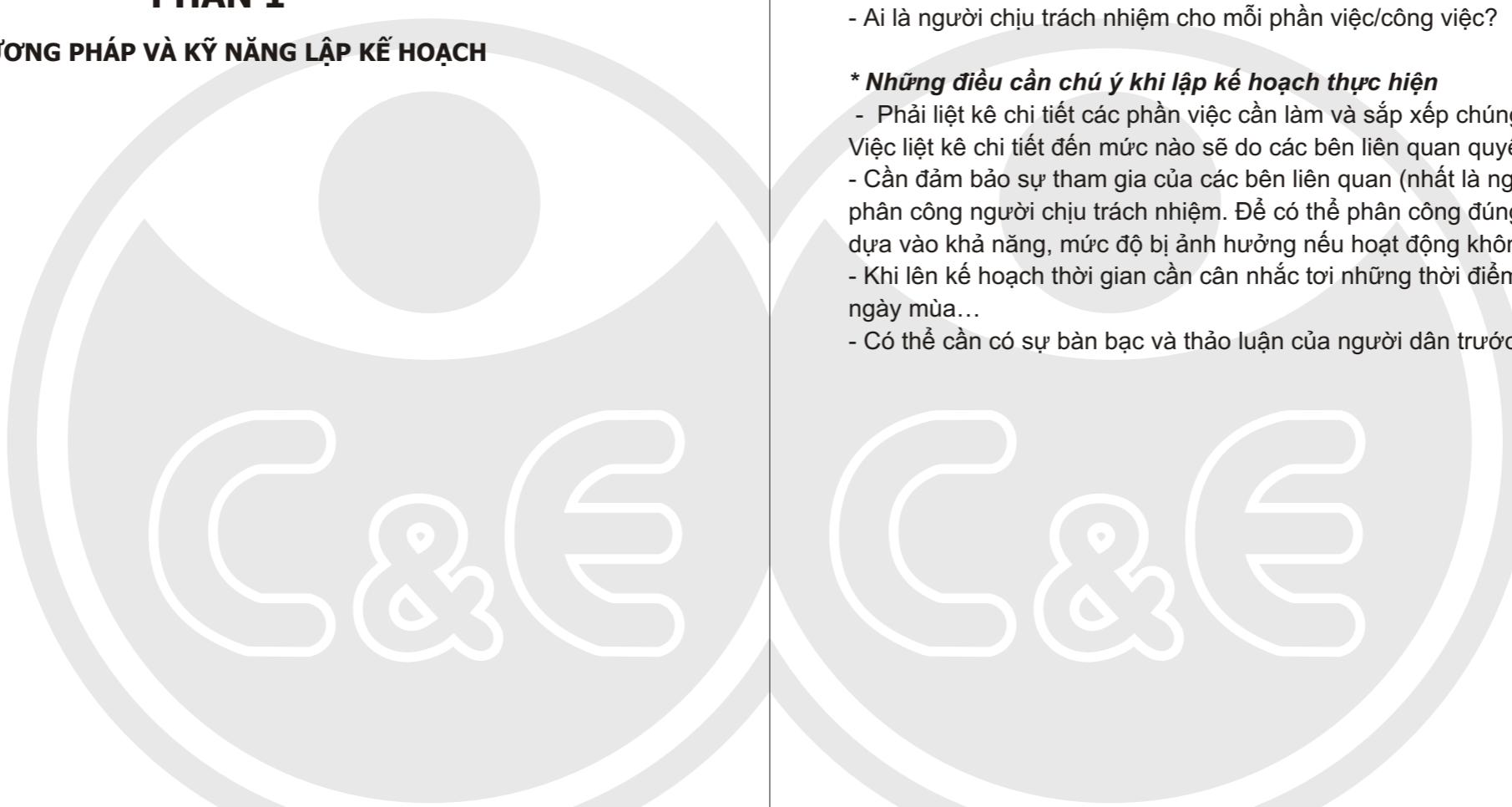
Mục tiêu của dự án là nâng cao nhận thức và năng lực cho cộng đồng để tiếp cận, huy động và sử dụng các nguồn lực xã hội phục vụ cho xây dựng sinh kế bền vững và bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên của địa phương ở cấp cơ sở. Đồng thời vận động chính sách cho việc lồng ghép mô hình vào chương trình của địa phương và các tổ chức phi chính phủ khác hoạt động vì sự bền vững về mặt xã hội, môi trường và phát triển.

Trong khuôn khổ dự án, ba cuốn tài liệu hướng dẫn: (1) Phương thức quản lý rừng cộng đồng: tiếp cận dựa trên quyền; (2) Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động nhóm quản lý rừng cộng đồng và kỹ năng làm việc nhóm; (3) Hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc một số cây gỗ và lâm sản ngoài gỗ và kỹ thuật gây nuôi một số động vật rừng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện mục tiêu cụ thể này.

Hy vọng ba cuốn tài liệu này sẽ hữu ích đối với cộng đồng địa phương và các bên có quan tâm nhằm thúc đẩy nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực về quản lý rừng dựa vào cộng đồng.

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN 1: PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH	8
1. Kế hoạch là gì?	8
2. Tại sao phải lập kế hoạch yêu cầu của việc lập kế hoạch	9
3. Các bước lập kế hoạch	11
4. Tổ chức thực hiện (điều phối)	12
PHẦN 2: LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG	15
1. Nguyên tắc lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng.	16
2. Các bước lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng.	16
3. Điều tra đánh giá tài nguyên rừng.	16
4. Xác định mục đích quản lý, sử dụng đối với từng loại rừng.	17
5. Xác định nhu cầu gỗ, củi, lâm sản của thôn bản.	17
6. Tổng hợp, phân tích số liệu.	17
7. Lập kế hoạch quản lý rừng.	17
8. Phê duyệt kế hoạch quản lý rừng cộng đồng.	18
PHẦN 3: KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	19
1. Giới thiệu chung về nhóm.	20
2. Kỹ năng làm việc nhóm.	22
3. Các bước phát triển nhóm.	24
Phụ lục 1 - Cơ sở pháp lý và luật tục liên quan đến quản lý rừng cộng đồng.	29
Phụ lục 2 - Hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn.	33
Phụ lục 3 - Quyết định công nhận bản “Quy ước bảo vệ và Phát triển rừng”.	41
Phụ lục 4 - Tiêu chí đánh giá thực hiện quy ước.	43



PHẦN 1

PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH

1. Kế hoạch là gì?

Kế hoạch là một chuỗi những hoạt động được sắp xếp theo lịch trình, có thời hạn, nguồn lực, ấn định những mục tiêu cụ thể và xác định biện pháp tốt nhất... để thực hiện một mục tiêu cuối cùng đã được đề ra.

Khi chúng ta lập được kế hoạch thì công việc của chúng ta được quản lý có hệ thống hơn, có thể tiên liệu được các tình huống sắp xảy ra.

Một kế hoạch tốt sẽ giúp chúng ta phối hợp được mọi nguồn lực của cá nhân, tổ chức để tạo nên một sức mạnh tổng hợp. Ngoài ra, lập kế cũng giúp chúng ta dễ dàng kiểm tra, giám sát hiệu quả quá trình thực hiện mục tiêu của mình.

* Khi lập kế hoạch ta cần đặt ra một số vấn đề như sau:

- Mong muốn đạt được cái gì?
- Sẽ làm gì và làm thế nào để đạt được kết quả mong muốn đó?
- Làm khi nào, trong bao lâu?
- Ai làm? làm ở đâu? nguồn lực cần có gì?
- Làm thế nào để biết việc đó có kết quả hay không?

* Những câu hỏi chính khi lập kế hoạch

- Cần phải làm những việc gì/ công việc gì để thực hiện hoạt động chính?
- Với những phần việc/công việc như vậy đã đảm bảo hoàn thành được hoạt động chính chưa?
- Dự kiến làm khi nào và làm trong bao lâu?
- Thời gian như vậy đã đủ để thực hiện phần việc/công việc này chưa?
- Ai là người chịu trách nhiệm cho mỗi phần việc/công việc?

* Những điều cần chú ý khi lập kế hoạch thực hiện

- Phải liệt kê chi tiết các phần việc cần làm và sắp xếp chúng theo trật tự logic. Việc liệt kê chi tiết đến mức nào sẽ do các bên liên quan quyết định.
- Cần đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan (nhất là người dân) trong việc phân công người chịu trách nhiệm. Để có thể phân công đúng người, đúng việc, cần dựa vào khả năng, mức độ bị ảnh hưởng nếu hoạt động không được thực hiện tốt.
- Khi lập kế hoạch thời gian cần cân nhắc tới những thời điểm không phù hợp: Tết, ngày mưa...
- Có thể cần có sự bàn bạc và thảo luận của người dân trước khi hoàn chỉnh kế hoạch.

2. Tại sao phải lập kế hoạch yêu cầu của việc lập kế hoạch

2.1 Tại sao phải lập kế hoạch?

Xác định mục tiêu, thực chất là làm rõ những mong muốn thay đổi.

- Để sử dụng nguồn lực một cách có hiệu quả.
- Để chủ động về thời gian
- Thu hút tối đa sự tham gia của mọi người vào việc thực hiện kế hoạch.

2.2 Yêu cầu của việc lập kế hoạch:

Muốn lập kế hoạch có tính khả thi cần:

- Dựa vào kết quả đánh giá tình hình (thực trạng tình hình)
- Có sự định hướng cho các hoạt động để đạt mục tiêu.
- Có nguồn lực.
- + Nguồn bên trong (nguồn mà chúng ta có)
- + Nguồn hỗ trợ bên ngoài (những người ủng hộ, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức quốc tế).

Lưu ý:

- Nguồn lực bao gồm: (Nguồn nhân lực, kinh phí thực hiện, vật tư, máy móc, nhà cửa, thông tin, kỹ thuật, phương tiện đi lại).
- Nguồn nhân lực là những người tham gia lập kế hoạch cũng như những người thực hiện kế hoạch, những người thụ hưởng kế hoạch.

Những người tham gia lập kế hoạch:

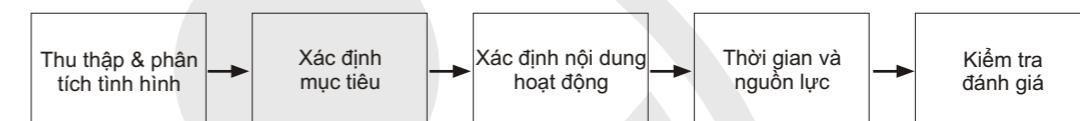
- Những người có thẩm quyền quyết định
- Những người thực hiện
- Những người thụ hưởng

Một kế hoạch có hiệu quả là xác định và thu hút được mọi người cùng tham gia từ khâu xây dựng đến khâu thực hiện kế hoạch, đánh giá và giám sát. Đặc biệt là phải huy động cả nam và nữ cùng tham gia.

Ví dụ một kế hoạch bảo vệ rừng cộng đồng

STT	Hoạt động	Mô tả hoạt động	Thời gian				Kinh phí	Người chịu trách nhiệm
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4		
1	Thành lập tổ bảo vệ rừng Tuần tra bảo vệ rừng	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập 5 tổ, mỗi tổ 10 thành viên, một tổ trưởng và một tổ phó - Mỗi tháng tuần tra 2 lần trong các lô dưới sự phân công của trưởng ban quản lý - Mỗi lần tuần tra 10 người, chia thành 2 nhóm, đi 2 đường 	X			X	300.000đ/1 đợt (có sổ chấm công)	Trưởng ban Các thành viên
2	Lập bảng PCCCR (Cẩm lùa)	<ul style="list-style-type: none"> - Làm 2 bảng tôn: 30cm x 40 cm - Đặt ở những nơi cao, dễ nhìn 	X				100.000đ x 2 = 200.000đ	Hợp đồng thuê TV
3	Bảng hiệu rừng cộng đồng, bản đồ rừng cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bảng bêtông 84cm x 120cm; có 2 chân trụ cao khoảng 1,5m: 2 bảng (1 bảng hiệu và 1 bản đồ) 		X				Hợp đồng thuê TV
4	Tuyên truyền	<ul style="list-style-type: none"> Bảng loa: Có sự kết hợp của UBND xã và Hạt kiểm lâm - Họp dân: Kết hợp với các cuộc họp của Buôn 	X	X	X	X	100.000đ/tháng	Ban quản lý, hạt kiểm lâm

3. Các bước lập kế hoạch



3.1. Thu thập và phân tích tình hình:

- Nhằm xác định xem hiện trạng tình hình như thế nào? vấn đề đặt ra là gì?
- Có thể thu thập thông tin (từ các nguồn).
- + Từ nhân dân trong xóm. (có phụ nữ)
- + Chủ trương của cấp trên.
- + Chủ trương của lãnh đạo xã.
- Những tình hình cần thu thập gồm:
- + Tình hình chung của địa phương
- + Tình hình có liên quan đến những vấn đề nổi cộm ở địa phương (sức khỏe, việc làm, đời sống, tự nhiên, xã hội).
- + Những thuận lợi khó khăn của nhân dân
- + Cách giải quyết vấn đề.

3.2. Xác định mục tiêu:

Mục tiêu là bước xác định xem chúng ta cần thu được gì khi kết thúc dự án/hoạt động. Do đó mục tiêu cần hết sức cụ thể: có thể đo đếm được và cần chú ý đến quyền lợi của người nghèo mà đặc biệt là phụ nữ.

VD: Cần phải tăng diện tích trồng rừng của xã đến năm 2015 là tăng 20% so với hiện nay. Phải đặt ra mục tiêu cụ thể cần vận động bao nhiêu hộ gia đình tham gia thực hiện kế hoạch, mỗi năm là bao nhiêu %...?

3.3. Xác định các nội dung hoạt động.

Để đạt được mục tiêu đề ra, thì cần phải làm gì?

VD: Để tăng diện tích rừng trồng của xã lên 20% trong 5 năm phải:

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong các hộ gia đình?
- Xác định khả năng của địa phương?
- Loài cây nào là loài cây nào phù hợp với địa phương?
- Có áp dụng biện pháp nông lâm kết hợp không?
- Mùa vụ nào thích hợp?
- Tiêu chuẩn cây con như thế nào?

3.4. Xác định thời gian và nguồn lực.

- Có thuận lợi gì, khó khăn gì khi thực hiện kế hoạch?

- Khi nào kế hoạch được thực hiện?

- Kế hoạch sẽ làm ở đâu, trong bao lâu?

- Cần có bao nhiêu người? Ai sẽ tham gia? Vai trò của từng đối tượng?

- Cần bao nhiêu kinh phí? Sẽ lấy từ đâu/ nguồn từ địa phương? Cần hỗ trợ gì từ bên ngoài?

- Cần có những phương tiện gì?



3.5. Kiểm tra đánh giá:

TIÊU CHÍ	KIỂM TRA	ĐÁNH GIÁ
KHÁI NIỆM	Là quá trình xem xét các hoạt động diễn ra qua trình thực hiện công việc, cái gì làm được, chưa làm được. Qua đó xác định mức độ thực hiện các hoạt động trong quá trình thực hiện mục tiêu.	Là so sánh kết quả với mục tiêu đề ra xem mức độ đạt được đến đâu, từ đó phân tích sâu các tác động của dự án đối với môi trường xung quanh.
THỜI GIAN	Kiểm tra được tiến hành: <ul style="list-style-type: none"> - Trong suốt quá trình thực hiện. - Sau khi kết thúc 01 hoạt động. 	Đánh giá được tiến hành: <ul style="list-style-type: none"> - Ngay sau khi hoàn thành hoạt động - Một thời gian sau khi hoàn thành hoạt động (có thể 6 tháng hoặc 1 năm)
MỤC ĐÍCH	<ul style="list-style-type: none"> - Đễ rút kinh nghiệm. - Đễ tìm nguyên nhân. - Đễ điều chỉnh kế hoạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đễ điều chỉnh kế hoạch đầu tiên - Đễ xây dựng kế hoạch hoạt động tiếp theo
NGƯỜI THỰC HIỆN	<ul style="list-style-type: none"> - Người quản lý. - Người thụ hưởng. - Người tài trợ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Người quản lý - Người thụ hưởng - Người tài trợ
PHƯƠNG PHÁP	Thông qua các cuộc họp nhóm để điểm lại các kế hoạch làm việc chi tiết, đánh giá tiến độ của từng phần việc, thảo luận về các cản trở và cách vượt qua, thảo luận các vấn đề mới nảy sinh.	<ul style="list-style-type: none"> * Đánh giá cả mặt tiêu cực và tích cực thông qua. - Trao đổi - Phỏng vấn - Kiểm tra tại hiện trường

4. Tổ chức thực hiện (điều phối)

4.1. Tổ chức là gì?

Tổ chức là việc sắp xếp công việc được giao, hiểu rộng hơn; tổ chức là quá trình xác định các công việc cần phải làm và phân công cho các đơn vị/cá nhân đảm nhận các công việc đó, tạo ra mối quan hệ ngang dọc trong nội bộ nhóm.

4.2. Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sẽ đảm bảo các kết quả sau:

- Các hoạt động được thực hiện đúng tiến độ và mang lại kết quả như mong đợi.
- Các thủ tục đã quy định được các bên liên quan tuân thủ.
- Các vấn đề phát sinh được báo cáo kịp thời.
- Các bên liên quan có một mối quan hệ đối tác tốt.
- Các nhóm làm việc được hình thành trong đó các thành viên phối hợp và hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

4.3. Các công việc thường làm.

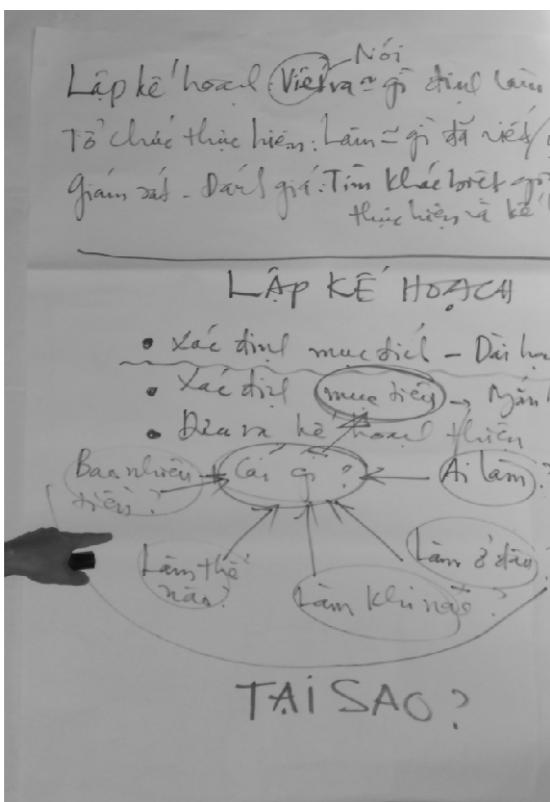
- Huy động nhân lực (cộng đồng, tư vấn, các ban ngành...)
- Huy động tài chính
- Huy động trang thiết bị, nguyên vật liệu
- Ký kết các hợp đồng, thỏa thuận
-

4.4. Một số tình huống có thể xảy ra trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Chậm
- Chất lượng điều phối thấp
- Chọn lựa các đối tác không phù hợp
- Đàn phán hợp đồng, thỏa thuận

4.5. Làm gì thực hiện tốt kế hoạch.

- Luôn giám sát kế hoạch
- Thực hiện càng sớm càng tốt các công việc
- Có biện pháp kiểm tra giám sát thường xuyên, chi tiết
- Đưa ra những điều chỉnh đúng lúc



PHẦN 2

LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG

C&E

1. Nguyên tắc lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng

1. Phải phù hợp với quy hoạch mục đích sử dụng rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ hay rừng sản xuất) phù hợp với quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp xã; phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường của thôn và năng lực của cộng đồng; đáp ứng cao nhất nhu cầu của người dân đối với các nguồn lợi từ rừng.
2. Phải có sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan; được người dân đồng tình ủng hộ và tự nguyện thực hiện.
3. Phải đảm bảo việc sử dụng rừng ổn định, lâu dài và bền vững.



2. Các bước lập kế hoạch quản lý rừng cộng đồng

Bước 1. Điều tra đánh giá tài nguyên rừng.

Bước 2. Xác định mục đích quản lý, sử dụng đối với từng loại rừng.

Bước 3. Đánh giá nhu cầu lâm sản.

Bước 4. Tổng hợp, phân tích số liệu (cân đối cung và cầu, phân tích khả năng bảo vệ, xây dựng và phát triển rừng...)

Bước 5. Lập kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm.

Bước 6. Thông qua kế hoạch và trình duyệt.

3. Điều tra đánh giá tài nguyên rừng

3.1. Mục đích và yêu cầu.

- Nắm được tài nguyên rừng và tài nguyên đất làm cơ sở cho việc áp dụng quyền hưởng lợi và nghĩa vụ của cộng đồng.
- Xác định mục đích sử dụng cho từng lô rừng, lô đất.
- Xác định được các biện pháp tác động (khai thác, bảo vệ, khoanh nuôi, nuôi dưỡng, trồng rừng, khai thác) cho từng lô rừng, lô đất.

3.2. Nguyên tắc điều tra đánh giá

- Công đồng tự thực hiện với sự hỗ trợ của cán bộ lâm nghiệp.
- Số liệu phải chính xác để xây dựng kế hoạch quản lý rừng cộng.
- Trường hợp khu rừng của cộng đồng đã được điều tra đánh giá khi giao rừng thì không phải điều tra đánh giá lại mà được sử dụng tài liệu đã điều tra đó để xây dựng kế hoạch quản lý.
- Trường hợp khu rừng cộng đồng khi giao rừng chưa được điều tra đánh giá tài nguyên rừng thì khi xây dựng kế hoạch quản lý, phải tiến hành điều tra đánh giá khu rừng gồm các nội dung: điều tra đo đếm trên thực địa đến từng lô rừng đối với rừng không tiến hành khai thác và rừng tiến hành khai thác.

4. Xác định mục đích quản lý, sử dụng đối với từng loại rừng.

4.1. Rừng thuộc đối tượng bảo vệ, không được phép khai thác gỗ, gồm:

- a) Rừng đặc dụng như rừng phục vụ văn hoá, tâm linh (rừng thiêng, rừng ma...).
- b) Rừng phòng hộ (rừng phòng hộ bảo vệ nguồn nước và rừng phòng hộ bảo vệ chống xói mòn và các công trình khác).

4.2. Rừng sản xuất gỗ và lâm sản

- a) Rừng đạt tiêu chuẩn khai thác chính, gồm:

- Rừng tự nhiên có trữ lượng.
 - Rừng trồng đạt tuổi thành thục công nghệ.
- b) Rừng chưa đạt tiêu chuẩn khai thác chính:
 - Rừng tự nhiên nghèo kiệt hoặc rừng non, rừng khoanh nuôi.
 - Rừng trồng chưa đạt tuổi thành thục công nghệ.

5. Xác định nhu cầu gỗ, cùi, lâm sản của thôn bản

5.1. Nội dung cần xác định, gồm:

- a) Nhu cầu làm nhà.
- b) Nhu cầu làm chuồng trại, trường học, cùi đun.
- c) Các nhu cầu khác.

5.2. Phương pháp xác định: thực hiện theo quy định.

6. Tổng hợp, phân tích số liệu

1. Tổng hợp số liệu từ các ô mẫu đo đếm ngoại nghiệp, quy đổi các chỉ tiêu tính toán ra đơn vị HA và cho từng lô và thống kê vào biểu tổng hợp.

- a) Tính toán trữ lượng gỗ và sản lượng cho phép khai thác hàng năm và 5 năm.
- b) Xác định lô rừng và diện tích rừng đủ điều kiện khai thác & sản lượng khai thác.

2. Xác định lô rừng và tổng diện tích cần trồng rừng.

3. Xác định lô rừng và tổng diện tích có khả năng khoanh nuôi thành rừng.

4. Xác định lô rừng và tổng diện tích rừng cần nuôi dưỡng.

5. Cân đối giữa nhu cầu gỗ và lâm sản với khả năng của rừng.

6. Xác định mục đích sử dụng và các biện pháp tác động cụ thể cho từng lô rừng.

7. Lập kế hoạch quản lý rừng

7.1. Lập kế hoạch trồng rừng, phục hồi rừng và bảo vệ rừng:

Kế hoạch về trồng rừng, phục hồi rừng (khoanh nuôi rừng, nuôi dưỡng làm giàu rừng, cải tạo rừng nghèo kiệt) và bảo vệ rừng cân nêu rõ vị trí (lô rừng); tổng diện tích cần tác động, diện tích tác động hàng năm và các biện pháp kỹ thuật chủ yếu cần áp dụng.

7.2. Lập kế hoạch khai thác gỗ rừng tự nhiên:

- a) Các chỉ tiêu khai thác, áp dụng một trong hai phương pháp sau:

- Phương pháp 1: phải xác định đối tượng rừng đưa vào khai thác; lượng khai thác tối đa hàng năm, luân kỳ khai thác và cường độ khai thác.

- Phương pháp 2: áp dụng cấu trúc số cây theo cấp kính.

b) Lập kế hoạch khai thác: kế hoạch phải thể hiện được địa điểm khai thác (tên lô), diện tích khai thác, đặc điểm của lô rừng (đường kính, chiều cao bình quân, trữ lượng bình quân/ha nếu có) và sản lượng khai thác hàng năm (tính theo cây và mét khối).

7.3. Lập kế hoạch khai thác tre, nứa:

- a) Các chỉ tiêu kỹ thuật: xác định luân kỳ khai thác, cường độ khai thác, tuổi cây khai thác, lượng khai thác và thời gian khai thác trong năm.
- b) Lập kế hoạch khai thác: kế hoạch phải thể hiện được địa điểm khai thác (theo lô), diện tích khai thác, sản lượng khai thác (tính theo số cây).

7.4. Lập kế hoạch khai thác gỗ rừng trồng: xác định vị trí (lô), diện tích và sản lượng gỗ khai thác; gồm khai thác tẩy thưa và khai thác chính.

7.5. Lập kế hoạch tận thu, tận dụng gỗ, khai thác lâm sản ngoài gỗ: xác định được địa điểm, diện tích khai thác, khối lượng theo chủng loại sản phẩm.

7.6. Kế hoạch sản xuất khác:

- a) Kế hoạch sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp kết hợp: chỉ rõ vị trí, diện tích, loài cây trồng, động vật nuôi.
- b) Kế hoạch dịch vụ du lịch (nếu có).
- c) Các hoạt động sản xuất khác.

7.7. Phân kỳ kế hoạch quản lý rừng:

- a) Kế hoạch quản lý rừng 5 năm được chia ra thành kế hoạch hàng năm.
- b) Kế hoạch quản lý rừng của năm đầu tiên được chia ra theo tháng hay quý của năm đó.

7.8. Xác định các nguồn lực và các biện pháp huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch quản lý rừng của cộng đồng, làm rõ biện pháp huy động được tối đa nguồn lực trong nội bộ cộng đồng.

8. Phê duyệt kế hoạch quản lý rừng cộng đồng.

8.1. Phê duyệt kế hoạch quản lý rừng cộng đồng 5 năm:

- a) Kế hoạch quản lý rừng do cộng đồng lập, Uỷ ban nhân dân cấp xã phê duyệt và báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp huyện để theo dõi và hỗ trợ thực hiện.
- b) Riêng đối với kế hoạch khai thác gỗ rừng tự nhiên: Uỷ ban nhân dân cấp xã tổng hợp kế hoạch khai thác gỗ của các cộng đồng trong xã, trình Uỷ ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

8.2. Phê duyệt kế hoạch quản lý rừng cộng đồng hàng năm: Căn cứ vào kế hoạch quản lý rừng 5 năm đã được phê duyệt, cộng đồng xây dựng kế hoạch quản lý rừng hàng năm, trình Uỷ ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

8.3. Trường hợp khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ mục đích thương mại thực hiện theo quy định tại Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN, ngày 07/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế về khai thác gỗ và lâm sản khác.

PHẦN 3

KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

1. Giới thiệu chung về nhóm

1.1 Định nghĩa

“Nhóm” được hiểu là một số người làm việc cùng nhau như nhóm khuyến nông, nhóm rác thải... Nhóm bao gồm một số ít người có thể chia sẻ kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức, cùng hướng đến mục tiêu chung và làm việc trên cơ sở tin tưởng lẫn nhau.

1.2 Cơ cấu nhóm:

- Trưởng nhóm: Là người quản lý chung các hoạt động của nhóm, điều hành thảo luận, phân công công việc, chịu trách nhiệm về công việc hành chính, lập kế hoạch, ngoại giao, ...
- Thư ký: Là người chịu trách nhiệm đảm bảo quá trình hoạt động của nhóm được ghi chép đầy đủ: biên bản họp, nội dung thảo luận, báo cáo hoạt động, v.v.
- Lãnh đạo tinh thần: Động viên, khuyến khích các thành viên, duy trì sự cân bằng và quan hệ giữa các thành viên, đảm bảo ý kiến của thành viên được nhóm ghi nhận, ...
- Phản biện: Giữ vai trò “đối lập” nhằm đảm bảo các khía cạnh khác nhau của vấn đề khi đưa ra thảo luận, bàn bạc đều được xem xét đến.
- Các thành viên trong nhóm: Là những người còn lại trong nhóm. Thành viên có thể là những người tham gia xây dựng nhóm ngay từ đầu hoặc những người gia nhập sau khi nhóm đã hình thành

1.3 Nguyên tắc làm việc trong nhóm:

Nguyên tắc phải được tất cả thành viên phát triển, chỉnh sửa, thông qua. Tất cả thành viên đều có quyền biết những nguyên tắc của nhóm và phải có nguyên tắc chung cho các hành vi của nhóm (tư cách thành viên, v.v.).

Nhóm phải đảm bảo được việc tuân thủ những nguyên tắc do chính mình đưa ra.

- Mỗi thành viên chịu trách nhiệm trước nhóm về tiến độ và chất lượng công việc được giao.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp tổ và đảm bảo đến đúng giờ.
- Chuẩn bị ý kiến trước khi đến họp.
- Thực hiện đúng các nhiệm vụ được giao.
- Lắng nghe và tôn trọng ý kiến đóng góp của các thành viên khác.
- Phê bình một cách thiện chí, không chỉ trích cá nhân.
- Giải quyết mâu thuẫn theo tinh thần xây dựng.
- Chú ý lắng nghe, tránh các hành vi mang tính chất gây rối.
- Tránh tranh luận ngoài lề.
- Trong thảo luận, một lần chỉ có 1 người được phát biểu.
- Tất cả thành viên tham gia, không ai được quyền lấn át người khác.
- Tránh tranh luận dài dòng.
- Bình đẳng trong thảo luận.
- Tôn trọng thành viên vắng mặt.
- Hãy hỏi khi chưa hiểu thấu đáo vấn đề.



1.4 Những yếu tố cần thiết của nhóm

Tên nhóm:

- * Phản ánh hoạt động của nhóm
- * Được các thành viên đồng ý
- * Không quá dài, dễ nhớ
- * Không nên trùng với nhóm khác.
- * Có cần tên viết tắt không?
- Tổ chức
- * Gồm những ai?
- * Ai là lãnh đạo?
- * Phân công trách nhiệm như thế nào?
- * Có nhận thêm thành viên mới không?



Điều lệ

- * Là “luật” tối cao mà tất cả các thành viên đều phải tuân theo
- * Điều lệ quy định rõ về tổ chức, tài chính (nếu có), quy chế quản lý, xử lý vi phạm, giải thể, v.v. của nhóm
- * Điều lệ có thể chỉnh sửa phù hợp với hoạt động



Chiến lược

- * Mục tiêu thành lập nhóm làm gì?
- * Cách làm như thế nào?
- * Nhóm sẽ có những hoạt động gì?
- * Nhóm phục vụ lợi ích của ai?
- * Phương án duy trì hoạt động của nhóm?

2. Kỹ năng làm việc nhóm

2.1 Nhóm là gì?

Nhóm là một tập thể người với những khả năng, năng lực, kinh nghiệm khác nhau cùng đến với nhau vì một mục đích chung. Bên cạnh sự khác nhau của mỗi cá nhân, mục tiêu chung ấy mang lại sợi chỉ xuyên suốt khẳng định rằng họ là một nhóm.



Nhóm khác với một đám đông.

2.2 Vì sao phải xây dựng nhóm/tổ công tác?

Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Các cấu trúc truyền thống thường làm việc ít hiệu quả vì: hệ thống cấp bậc rườm rà, không gọn nhẹ; Cá nhân bị cô lập hóa; Khả năng lựa chọn của đối tác hạn chế; Thiếu sự tham gia và thiếu tư duy chiến lược.

2.3 Làm việc theo nhóm/đội có những lợi ích như:

- Các thành viên có cảm giác kiểm soát được cuộc sống của mình tốt hơn và không phải chịu đựng sự chuyên quyền của bất cứ người lãnh đạo nào.
- Khi các thành viên cùng góp sức giải quyết một vấn đề chung, họ học hỏi được cách xử lý mọi nhiệm vụ đơn giản hay khó khăn; họ học hỏi từ những thành viên khác và từ người lãnh đạo.
- Hoạt động theo nhóm mang lại cơ hội cho các thành viên thỏa mãn nhu cầu về bản ngã, được thể hiện và đón nhận mọi tiềm năng.
- Quản lý theo nhóm giúp phá vỡ bức tường ngăn cách, tạo sự cởi mở và thân thiện giữa các thành viên và người lãnh đạo.
- Thông qua việc quản lý theo nhóm, các thành viên có thể học hỏi và vận dụng phong cách lãnh đạo từ cấp trên của mình. Điều đó tạo sự thống nhất về cách quản lý trong tổ chức.

2.4 Cách xây dựng nhóm làm việc hiệu quả

- Xác định rõ mục tiêu: Mục tiêu rõ ràng có nghĩa là mọi thành viên trong nhóm đều phải nhận thức rõ được yêu cầu đề ra. Việc xác lập mục tiêu cần thật cụ thể và chi tiết để tránh sự hiểu nhầm về kết quả cần đạt được cũng như trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm khi tham gia triển khai mục tiêu đó. Với một mục tiêu rõ ràng và cụ thể, các thành viên sẽ hiểu rõ được họ cần làm gì, cần bổ sung thêm các kiến thức nào để đáp ứng được mục tiêu đã đề ra, và làm như thế nào để đạt được mục tiêu một cách tốt nhất.

- Xác định các tiêu chí đánh giá: Tiêu chí đánh giá là các yêu cầu về năng lực thực hiện mà mỗi thành viên cần đạt được khi thực hiện mục tiêu. Các tiêu chí đánh giá cần đưa ra trước và phải đạt được sự đồng thuận của tất cả các thành viên trong nhóm. Nếu không có các tiêu chí này, các thành viên khó có thể nắm được quy chế thưởng phạt, nâng cao khả năng lập kế hoạch cũng như việc đưa ra các yêu cầu điều chỉnh hoặc trợ giúp khi cần.

- Giải quyết khó khăn, xung đột: Khó khăn hay thử thách chính là cơ hội để từng Thành viên phát huy được hết sở trường riêng của họ. Xung đột xảy ra là điều tự

nhiên khi mọi người cùng làm việc với nhau. Trong một cuộc xung đột, các thành viên cần tránh đánh giá lẫn nhau, tránh kiểm soát nhau, không nên có thái độ thờ ơ không quan tâm, không thể hiện sự ưu thế, đứng trên và không nên giải quyết vấn đề một cách đại khái, qua loa.

- Sự đồng thuận: Sự đồng thuận giữa các thành viên trong nhóm chính là thỏa thuận trong việc phân chia trách nhiệm để đạt được mục tiêu. Cách tốt nhất để đạt được sự đồng thuận đó chính là có sự tham gia của tất cả các thành viên trong quá trình thiết lập mục tiêu.

2.5 Các kỹ năng cơ bản để làm việc nhóm một cách hiệu quả

- Lắng nghe: Đây là một trong những kỹ năng quan trọng nhất. Các thành viên trong nhóm phải biết lắng nghe ý kiến của nhau. Kỹ năng này phản ánh sự tôn trọng (hay xây dựng) ý kiến giữa các thành viên.

- Chất vấn: Qua cách thức mỗi người đặt câu hỏi, chúng ta có thể nhận biết mức độ tác động lẫn nhau, khả năng thảo luận, đưa ra vấn đề cho các thành viên khác của họ.

- Thuyết phục: Các thành viên phải trao đổi, suy xét những ý tưởng đã đưa ra. Đồng thời họ cần biết tự bảo vệ và thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình.

- Tôn trọng: Mỗi thành viên trong nhóm phải tôn trọng ý kiến của những người khác thể hiện qua việc đồng viên, hỗ trợ nhau, nỗ lực biến chúng thành hiện thực.

- Trợ giúp: Các thành viên phải biết giúp đỡ nhau.

- Sẽ chia: Các thành viên đưa ra ý kiến và tường thuật cách họ nghĩ ra nó cho nhau.

- Chung sức: Mỗi thành viên phải đóng góp trí lực cùng nhau thực hiện kế hoạch đã đề ra.

2.6 Các quy tắc làm việc nhóm.

- Đúng giờ: điều đó giúp cho các thành viên khác trong nhóm làm việc không phải mất thêm thời gian nhắc lại những gì đã thảo luận cho bạn.

- Luôn đặt mục tiêu của cuộc thảo luận lên hàng đầu: tránh nói chuyện về những chủ đề không liên quan, gây loãng chủ đề, thiếu tập trung.

- Hãy nghĩ mình là một phần của nhóm chứ không phải một cá nhân riêng lẻ: Thảo luận với cả nhóm chứ không phải chỉ với người ngồi cạnh bạn. Hãy rõ ràng và ngắn gọn. Luôn ý thức rằng bạn đang sử dụng thời gian của tất cả mọi người.

- Không ngắt lời người khác: Hãy lắng nghe và cố hiểu các thành viên khác. Cũng đừng nghĩ về ý kiến sắp trình bày của mình, hãy chú ý những gì người khác nói. Nếu có gì chưa rõ, hãy hỏi lại khi họ kết thúc.

- Đoàn kết để đạt đến mục tiêu chung: Không ai có đầy đủ kiến thức về bất cứ một vấn đề nào, chỉ có là họ đóng góp được nhiều hay ít mà thôi. Hãy thuyết phục mọi người bằng lý lẽ và dẫn chứng, không phải bằng cảm xúc.

- Tránh phê bình chỉ trích: Đừng phản đối ngay ý kiến của người khác dù bạn có thấy nó thiếu thực tế đến đâu. Cũng đừng gắn mỗi cá nhân với ý kiến của họ, chỉ thảo luận về ý kiến thôi, đừng chỉ trích riêng ai cả.

- Tôn trọng nhau: Hãy cố gắng tôn trọng những thành viên khác và hướng tới mục tiêu chung.



- **Ưu tiên cho sự đồng thuận:** Luôn tâm niệm rằng, kết quả cuối cùng thu nhận được phải là sự đồng lòng của cả nhóm, kể cả những cá nhân có ý kiến bị bác bỏ. Việc này không thể nhanh chóng đạt được mà phải cần có thời gian.

2.7 Cách giải quyết xung đột khi làm việc nhóm

Nguyên nhân chính: Mục tiêu đối nghịch; Các giá trị bị đe dọa; Phản hồi bị coi là phê phán; Tình cảm bị chi phối; Văn hóa nhóm...

Cách giải quyết:

- Tìm kiếm sự đồng cảm: Người đóng vai trò trọng tài cần để cho các thành viên nêu cảm xúc thật của họ. Hãy đặt câu hỏi: "điều gì sẽ làm cho mỗi bên cảm thấy tốt hơn".
- Giải thích lại mục tiêu.
- Tìm kiếm giải pháp: Khuyến khích đưa ra càng nhiều giải pháp càng tốt. Sau đó cân nhắc ý nghĩa của từng giải pháp.
- Thống nhất giải pháp

3. Các bước phát triển nhóm

3.1. Mục đích và yêu cầu

Xây dựng và thực hiện “nhóm cộng đồng trồng và quản lý rừng” là một trong những nội dung quan trọng của quá trình phát triển rừng. Cộng đồng có thực sự tham gia vào quá trình trồng, bảo vệ và phát triển rừng thì rừng mới phát triển tốt. Do đó việc xây dựng nhóm phải do cộng đồng tự nguyện và tự chủ xây dựng, có sự hỗ trợ, hướng dẫn của cán bộ kiểm lâm, cán bộ dự án, UBND xã. (gọi tắt Người hỗ trợ).

Mục đích: Cụ thể hóa các quy định về trồng bảo vệ và phát triển rừng của Nhà nước phù hợp với thực tế tại cộng đồng địa phương, làm căn cứ cho việc thực hiện bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng theo kế hoạch hằng năm, cho tất cả các đơn vị có nhu cầu trồng rừng. Đồng thời gắn kết các hoạt động trồng rừng, quản lý, bảo vệ rừng nhằm hạn chế tình trạng chặt phá rừng hiện nay

Yêu cầu:

- Kế thừa thành quả quy hoạch rà soát 03 loại rừng và kế hoạch trồng rừng của các dự án trong thời gian qua;
- Các quy định phù hợp với quy định của pháp luật, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương;
- Tôn trọng những phong tục, tập quán của cộng đồng, thực hiện trong phạm vi, điều kiện cộng đồng.
- Bảo đảm tất cả các thành phần cộng đồng (phụ nữ, người nghèo, dân tộc và các đối tượng khác) cùng tham gia một cách bình đẳng.
- Tăng cường việc sử dụng bền vững rừng và đất lâm nghiệp, hạn chế những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến rừng và tài nguyên rừng.

3.2 . Các bước thành lập và phát triển hoạt động nhóm

Bước 1: Phát hiện nhu cầu

- Thu thập thông tin, phân loại kinh tế hộ gia đình, phỏng vấn phát hiện nhu cầu của cộng đồng.
- Họp dân với phương pháp cùng tham gia để cộng đồng có điều kiện cùng nhau bàn bạc và phát hiện vấn đề và đề xuất cách giải quyết hợp lý.
- Tạo cơ hội cho mọi người được tham gia, bình đẳng, hiểu rõ mục tiêu, nội dung và những kết quả mong đợi.
- Xác định những hoạt động kinh tế cho thu nhập, tùy hoàn cảnh để lựa chọn tham gia theo nhóm sở thích.

Bước 2: Thành lập Nhóm

Lựa chọn hoạt động mà cộng đồng yêu thích cũng như nhóm mà cộng đồng muốn tham gia qua đặt câu hỏi như:

- Khả năng tham gia của hộ gia đình là gì (lao động, đất đai, tài chính, kinh nghiệm sản xuất...)?
- Nguyên vọng phát triển kinh tế của hộ gia đình là gì ?

- Trong tương lai hoạt động sản xuất nào của hộ gia đình cho thu nhập cao và ổn định?

- Những khó khăn nào cần có sự hỗ trợ của nhóm/cộng đồng

Lưu ý:

- Không dùng hình thức áp đặt người dân tham gia nhóm

- Nhóm được hình thành một cách tự nguyện, đúng sở thích hay hoạt động sản xuất ưu tiên

Thành viên cùng một nhóm có cùng một mục tiêu, cùng hoạt động sản xuất ưu tiên và bình đẳng về quyền lợi cũng như trách nhiệm.

Bước 3: Duy trì hoạt động Nhóm bền vững và hiệu quả

Người dân chưa quen với hoạt động theo nhóm, nhiều người còn e ngại như phụ nữ, những người nghèo, người trẻ tuổi, người vai vế thấp trong họ tộc vì vậy các câu hỏi đặt ra với cộng đồng là:

- Làm thế nào để điều hành và duy trì nhóm?

- Tiêu chuẩn người lãnh đạo nhóm là gì?

- Người lãnh đạo nhóm có những trách nhiệm gì?

Sau khi thảo luận, thành viên trong nhóm có cơ sở xác định việc cần thiết có lãnh đạo nhóm và đó là người nào và tự bầu nhóm trưởng và nhóm phó. Trưởng nhóm điều hành các cuộc thảo luận với chủ đề như:

- Mục đích của nhóm chúng ta là gì?

- Các bạn mong đợi gì khi tham gia nhóm cùng sở thích

- Người tham gia nhóm có trách nhiệm gì và có quyền lợi?

- Cần làm gì để tăng thu nhập từ hoạt động sản xuất mọi người quan tâm?

Lưu ý khi thảo luận:

- Áp dụng phương pháp có sự tham gia, bình đẳng, dân chủ trong suốt quá trình làm việc nhóm. Cần có thư ký ghi chép ý kiến thảo luận và những thống nhất chung của nhóm.

- Trưởng nhóm cần lắng nghe, đặt thêm câu hỏi phụ để làm sáng tỏ vấn đề, nên thảo luận từng chủ đề, tạo cơ hội cho phụ nữ, người nghèo tham thảo luận.

- Không nên phê bình hoặc chỉ trích bất cứ ý tưởng nào của các thành viên trong nhóm

- Ban điều hành nhóm xác định mục đích hoạt động nhóm, thống nhất về quyền lợi và trách nhiệm của người tham gia nhóm, nội dung hoạt động của nhóm cần được thảo luận trước hết.

- Thành viên trong nhóm có sự hiểu biết rõ ràng, có sự thống nhất về mục đích, quyền lợi và trách nhiệm của mỗi thành viên vì đó là động lực để họ tham gia.



Nội dung hoạt động của nhóm cũng chính là chương trình hành động của nhóm. Nên xác định nhóm các hoạt động cần làm trước và nhóm các hoạt động có thể làm trong tương lai. Trong từng nhóm các hoạt động háy xếp thứ tự ưu tiên theo thời gian hoặc trình tự hợp lý, hoặc theo hoạt động cốt lõi, hoạt động hỗ trợ, những hoạt động phải, nên hoặc có thể làm...

Bước 4: Xây dựng thể chế (quy chế) nhóm

Nội dung thảo luận xây dựng quy chế nên tập trung:

- Lịch trình sinh hoạt nhóm (ngày, giờ, địa điểm, hình thức biểu quyết...?)
- Sổ sách theo dõi (theo dõi gì, ai ghi chép...?)

Trưởng nhóm cần cho thấy rằng các quy định là cần thiết nhằm hạn chế tối thiểu những mâu thuẫn, khuyến khích sự tham gia và tăng thêm hiệu lực quyết định của nhóm

Quy chế có hiệu lực cần thống nhất do chính nhóm xây dựng nên và không phải là cố định. Trong quá trình phát triển nhóm có thể bổ sung hoặc sửa đổi cho phù hợp và hiệu quả hơn.

Bước 5: Lập kế hoạch hoạt động nhóm

Xây dựng kế hoạch hoạt động cho nhóm hàng năm, quý và tháng để sắp xếp công việc theo trình tự thời gian, không gian, có xem xét tới nguồn lực, cách làm và người chịu trách nhiệm cũng như kết quả mong đợi.

Kế hoạch do các thành viên trong nhóm xây dựng nên thảo luận sâu từng hoạt động mà họ dự kiến:

- Chúng ta làm việc này khi nào, ở đâu?
- Để làm việc này chúng ta cần những gì?, chúng ta đã có những gì, những gì còn thiếu?
- Làm việc này bằng cách nào?
- Kết quả mong đợi từ hoạt động này là gì?
- Ai là người chịu trách nhiệm?
- Những ai nên tham gia?

Những thuận lợi và khó khăn và rủi ro của hoạt động này là gì?
Kết quả thảo luận này nên tổng hợp thành biểu, viết nêu giấy to để mọi người tiện theo dõi:

Kế hoạch hoạt động của nhóm sở thích.....(từ tháng...đến...tháng)

Hoạt động	Thời gian	Địa điểm	Phương pháp	Kết quả mong đợi	Người tham gia	Chỉ tiêu giám sát và đánh giá
Làm gì	Khi nào	ở đâu	Làm bằng cách nào	Kết quả là gì	Những ai nên tham gia	

Bản kế hoạch cần được giчерp rõ ràng, lưu lại ở Ban quản lý nhóm, căn cứ vào kế hoạch dài hạn mà cuộc họp hàng quý/tháng cụ thể hóa các hoạt động, xây dựng kế hoạch chi tiết Lập kế hoạch còn giúp cho nhóm có kế hoạch hỗ trợ theo nhu cầu mà nhóm đã đưa ra.

Bước 6: Tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá

Đánh giá kết quả nội dung kế hoạch đã xây dựng và thực hiện,

Mọi hoạt động trong nhóm có được ghi chép để trưởng nhóm nắm bắt tình hình hoạt động và những khó khăn của nhóm

Tổ chức họp đánh giá kết quả hoạt động quý và xây dựng kế hoạch hoạt động tiếp theo. Các nội dung chính cần được học hỏi là:

- Các thành viên có được học tập về kỹ thuật mới mà họ quan tâm không?
- Có sự tương trợ giúp đỡ lẫn nhau về cả vật chất, kinh nghiệm sản xuất, tình cảm cộng Đồng.
- Có học tập được phương pháp tạo lập nhóm sở thích có sự giam gia cho phát triển kinh tế hộ.
- Có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế hộ vì được mọi người trong nhóm quan tâm và được hỗ trợ vốn vay thông qua quỹ tiết kiệm.
- Tạo được sự dân chủ bình đẳng, khuyến khích sự đóng góp, trao đổi kinh nghiệm trí tuệ, học hỏi lẫn nhau không.

Ghi nhớ:

- Phát triển nhóm sở thích trên cơ sở những hoạt động sản xuất có tiềm năng mở rộng, tăng thu nhập ở hiện tại cũng như trong tương lai.
- Tổ chức nhóm phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện tập hợp những thành viên cùng chung một hoạt động sản xuất ưu tiên làm việc theo phương pháp có sự tham gia.
- Hoạt động của nhóm phải theo quy chế do các thành viên trong nhóm thống nhất và xây dựng nên, có thể sửa đổi bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế.
- Nhóm phải xác định được rõ mục đích, kết quả mong đợi, xây dựng nội dung và kế hoạch hành động.
- Triển khai các hoạt động theo ưu tiên mà tập thể nhóm đưa ra, đảm bảo những hoạt động đầu tiên có hiệu quả cao để củng cố niềm tin, khuyến khích sự tham gia.
- Đảm bảo các hoạt động nhóm đều được đánh giá bởi chính người dân.
- Trưởng nhóm cần có kỹ năng thái độ làm việc có sự tham gia, tạo điều kiện cho người dân tham gia. Thiết lập mối quan hệ thật chặt chẽ để có thông tin phản hồi thường xuyên, thăm hỏi và hỗ trợ đúng lúc.



Phụ lục 1 - Cơ sở pháp lý và luật tục liên quan đến quản lý Rừng cộng đồng

1. Cơ sở pháp lý

1.1 Xác định địa vị pháp lý của cộng đồng.

- Luật Dân sự 2005 quy định:

Cộng đồng dân cư thôn có quyền sở hữu đối với tài sản được hình thành theo tập quán, tài sản do các thành viên trong cộng đồng đóng góp nhằm mục đích thỏa mãn lợi ích chung hợp pháp của cả cộng đồng. Các thành viên của cộng đồng cùng quản lý, sử dụng theo thỏa thuận vì lợi ích của cộng đồng.

- Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ đã quy định:

Thôn là nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp nhằm giải quyết các công việc trong nội bộ cộng đồng.

- Thông tư số 70/2007/TT-BNN ngày 01/8/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện Quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn.

- Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 06/12/2002 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của cộng đồng.

1.2 Quy định giao đất, giao rừng cho cộng đồng

a) Luật Đất đai (2003) đã quy định:

- Cộng đồng được Nhà nước giao đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp với tư cách là người sử dụng đất;

- Được hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất; được Nhà nước hướng dẫn, giúp đỡ trong việc cải tạo đất lâm nghiệp; được Nhà nước bảo hộ khi bị người khác xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp của mình; được sử dụng đất kết hợp sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản;

- Đất lâm nghiệp giao cho cộng đồng không được chuyển sang sử dụng vào mục đích khác, không được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, tặng quyền sử dụng đất, không được thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất,

b) Luật Bảo vệ và phát triển rừng (2004) đã quy định:

- Nhà nước giao rừng phòng hộ, rừng sản xuất không thu tiền sử dụng đất cho cộng đồng quản lý, sử dụng ổn định lâu dài với tư cách là chủ rừng;

- Cộng đồng được giao rừng là cộng đồng dân cư thôn có truyền thống gắn bó với rừng trong sản xuất, đời sống, văn hóa, tín ngưỡng; có khả năng quản lý rừng, có nhu cầu và đơn xin giao rừng và việc giao rừng cho cộng đồng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng đã được phê duyệt; phù hợp với khả năng quỹ rừng của địa phương.

- Khu rừng giao cho cộng đồng dân cư là những khu rừng hiện cộng đồng dân cư đang quản lý, sử dụng có hiệu quả; những khu rừng giữ nguồn nước phục vụ trực tiếp cho cộng đồng, phục vụ lợi ích chung khác của cộng đồng mà không thể giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; những khu rừng giáp ranh giữa các thôn, xã, huyện không thể giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mà cần giao cho cộng đồng dân cư thôn để phục vụ lợi ích của cộng đồng (Điều 29).

- Cộng đồng được giao rừng có quyền và nghĩa vụ theo quy định (Điều 30) của Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

1.3 Quy định hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng.

Luật Bảo vệ và phát triển rừng (2004) quy định: cộng đồng được Nhà nước giao rừng phòng hộ được hưởng chính sách đầu tư như các ban quản lý rừng phòng hộ.

1.4 Quy định khai thác, sử dụng và hưởng lợi từ rừng cho cộng đồng.

- Luật Bảo vệ và phát triển rừng (2004) quy định: cộng đồng được Nhà nước giao đất, giao rừng, được khai thác, sử dụng lâm sản và các lợi ích khác của rừng vào mục đích công cộng và gia dụng cho thành viên trong cộng đồng.
- Quyết định 186/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý rừng và Quyết định 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/07/2005 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định:
- + Cộng đồng dân cư thôn khai thác gỗ rừng tự nhiên phải có phương án điều chế rừng và được UBND huyện phê duyệt;
- + Khi khai thác tận dụng, tận thu gỗ từ rừng tự nhiên quy hoạch là rừng sản xuất nhằm phục vụ cho nhu cầu gia dụng chỉ cần báo cáo cho UBND cấp xã xác nhận và quản lý. Trường hợp rừng trồng của cộng đồng đầu tư bằng vốn ngân sách Nhà nước khi khai thác do UBND cấp huyện cho phép.
- + Chủ rừng là cộng đồng dân cư được sử dụng không quá 40% diện tích đất không có rừng là đất rừng ngập mặn hoặc không quá 30% diện tích đất không có rừng là đất rừng sản xuất không phải là đất ngập mặn để sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp kết hợp; được trồng xen cây nông nghiệp dưới tán rừng nhưng không làm ảnh hưởng tới mục đích sử dụng chính của rừng.
- + Đôi với rừng phòng hộ đầu nguồn là rừng trồng được khai thác cây trồng xen, cây phù trợ; tia thưa, tận thu, tận dụng gỗ; được khai thác lâm sản ngoài gỗ. Khi rừng đạt tiêu chuẩn về phòng hộ và cây trồng chính đạt tiêu chuẩn khai thác thì chặt chọn cây trồng chính, độ tàn che của rừng sau khi khai thác phải lớn hơn 0,6.

2. Về luật tục

2.1 Nhận biết về luật tục

- a) Luật tục chưa đựng các quy tắc ứng xử chung, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong cộng đồng dân tộc thiểu số, được cộng đồng đảm bảo thực hiện. Nội dung của luật tục gồm một hệ thống phong phú các quy phạm xã hội phản ánh các chuẩn mực của phong tục tập quán, ý chí, nguyện vọng của cộng đồng dân cư;
- b) Luật tục là sản phẩm của xã hội cổ truyền, gắn với cơ cấu xã hội mà ở đó gia đình, thôn giữ vai trò then chốt trong hệ thống xã hội;
- c) Luật tục phát huy vai trò liên kết cộng đồng và điều hòa mối quan hệ con người với con người và con người với thiên nhiên;
- d) Luật tục là tri thức dân gian về quản lý cộng đồng, được sinh ra từ nội tại cộng đồng và được các thành viên tự nguyện, tự kiểm soát lẫn nhau trong quá trình thực hiện.
- e) Môi trường vận hành của luật tục truyền thống là cộng đồng dân cư tự nhiên, là các thôn, đôi khi còn ở phạm vi liên thôn. Việc vận hành luật tục còn gắn với hoạt động tín ngưỡng. Vào dịp cúng thổ thần, thần linh đầu năm người ta thường nhắc lại những quy ước trước đây của các chủ hộ thành viên cộng đồng.
- f) Luật tục thường thiên về đề cao trách nhiệm của các thành viên trong thôn và dẫu có hình thức phạt nhưng thường là hợp lý, hợp tình. Luật tục chưa đựng những yếu tố hợp lý đặc biệt trong không gian xã hội văn hóa riêng của dân tộc đó.
- g) Vai trò của già làng, trưởng bản (thôn) rất quan trọng trong duy trì, phát triển luật tục; giữa luật tục và vai trò của già làng, trưởng bản có mối quan hệ tương hỗ với nhau. Luật tục của các dân tộc đều công nhận và là cơ chế đảm bảo vị trí, vai trò của các già làng, trưởng bản và ngược lại, họ là người áp dụng luật tục để giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong đời sống của nô bộ cộng đồng.

2.2 Tập quán quản lý đất đai, tài nguyên thiên nhiên của cộng đồng

Mỗi thôn đều quản lý một diện tích đất đai nhất định. Ranh giới thường căn cứ vào sông suối, khe núi, mảnh đất, tảng đá, vật ruộng mà cư dân trong thôn canh tác từ lâu đời. Có thể có những đường ranh giới mang tính ước lệ nhưng đều được các cộng đồng láng giềng công nhận và tôn trọng. Ranh giới này thường do người già hoặc người có công khai phá vùng đất có hoạch định. Diện tích của thôn quản lý không phải chỉ là khu vực đất cư trú, mà thường bao gồm:

- a) Đất ở;
- b) Đất canh tác, là những đất rừng đã được khai phá đưa vào canh tác nương rẫy đang gieo trồng, ruộng, bãi;
- c) Đất dự trữ, là những đất rừng sẽ được khai phá trong thời gian làm rẫy sắp tới và những rẫy cũ đang bồi hóa;
- d) Đất cắm canh tác là những rừng giữ nguồn nước, rừng trên chóp núi để giữ nước, chống xói mòn rẫy và những khu rừng làm nơi chôn cất người chết, rừng thờ cúng (rừng thiêng).
- e) Rừng sử dụng vào các mục đích lấy gỗ, lâm sản, săn bắn...
- f) Bến nước, nơi đánh bắt cá...

Đất đai, tài nguyên thuộc quản lý công cộng của tất cả các thành viên trong thôn. Mọi thành viên đều được bình đẳng trong việc khai thác sử dụng theo quy ước của thôn, dưới sự điều hành của già làng, trưởng bản mà người ngoài cộng đồng không được vi phạm.





Phụ lục 2 - Hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1. Giải thích từ ngữ.

- Rừng cộng đồng là rừng Nhà nước giao cho cộng đồng để quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.
- Quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn là một hình thức quản lý rừng trong đó cộng đồng dân cư thôn với tư cách là chủ rừng tham gia vào các hoạt động giao rừng, lập kế hoạch quản lý rừng và tổ chức thực hiện kế hoạch đó, thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi, giám sát, đánh giá rừng Nhà nước giao cho cộng đồng dân cư thôn.
- Ban quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn là tổ chức do cộng đồng dân cư thôn lập ra để điều phối các hoạt động có liên quan đến quản lý rừng của thôn (sau đây viết tắt là Ban Quản lý rừng).
- Quy ước bảo vệ và phát triển rừng của cộng đồng dân cư thôn là những quy tắc xử sự trong nội bộ cộng đồng, do cộng đồng xây dựng, “thoả thuận đa số” và tự nguyện thực hiện, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

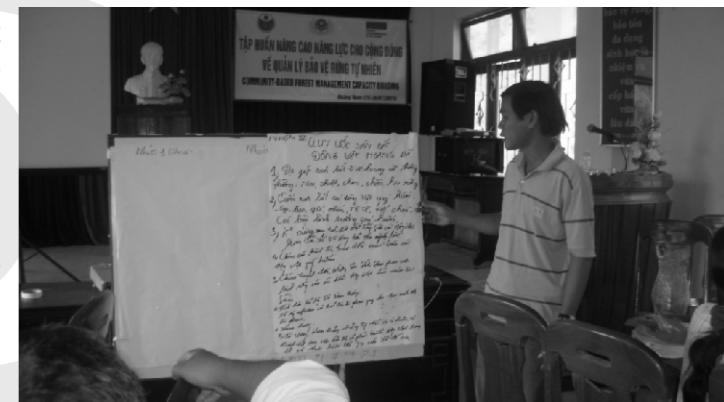
2. Hình thức Quy ước.

Tùy theo điều kiện cụ thể của cộng đồng dân cư thôn mà lựa chọn hình thức Quy ước cho phù hợp, gồm:

- Quy ước riêng: chỉ quy định nội dung về quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng.
- Quy ước chung: các nội dung quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng được lồng ghép vào Quy ước chung của cộng đồng dân cư thôn.

3. Mục đích xây dựng, thực hiện Quy ước.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác bảo vệ và phát triển rừng, huy động nguồn lực cộng đồng dân cư thôn bảo vệ và phát triển rừng bằng việc kết hợp giữa truyền thống và tập tục tốt đẹp của cộng đồng với chính sách, pháp luật của Nhà nước.



4. Yêu cầu của Quy ước.

- Ké thừa, phát huy những phong tục, tập quán, đạo đức truyền thống tốt đẹp của cộng đồng, bài trừ hủ tục mê tín dị đoan, phạt vạ trái pháp luật; sử dụng ngôn ngữ đặc trưng của đồng bào, ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.
- Các quy định của Quy ước phải phù hợp chủ trương, chính sách của Đảng, không trái quy định của pháp luật và chỉ đưa ra những nội dung phù hợp điều kiện, thực tiễn của địa phương; tôn trọng, bảo vệ danh dự, uy tín cá nhân, sự đoàn kết, đồng thuận của cộng đồng dân cư thôn, khuyến khích các hình thức giáo dục, thuyết phục, tự nguyện, công khai xin lỗi, khắc phục hậu quả trong các trường hợp vi phạm Quy ước.
- Tăng cường sự quản lý, sử dụng bền vững rừng và đất lâm nghiệp, hạn chế những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến tài nguyên rừng.
- Bảo đảm tính công bằng trong việc hưởng lợi từ tài nguyên rừng.

II. NỘI DUNG QUY ƯỚC

Tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi cộng đồng dân cư thôn mà lựa chọn những vấn đề sau để quy định trong Quy ước:

1. Công tác bảo vệ rừng

- Về canh tác nương rẫy, như: phải canh tác theo quy hoạch, đốt nương phải kiểm soát, chống cháy lan; thảm canh trên nương rẫy.
- Về phòng cháy, chữa cháy rừng, sử dụng lửa trong rừng, ven rừng và phòng trừ sinh vật gây hại rừng.
- Về chăn thả gia súc trong rừng.
- Về khai thác, mua bán, vận chuyển gỗ và lâm sản ngoài gỗ.
- Về bảo vệ, khai thác, săn bắt, gây nuôi và phát triển động vật rừng.
- Về việc huy động nội lực của cộng đồng dân cư thôn để bảo vệ rừng và sự phối hợp giữa cộng đồng dân cư thôn với các chủ rừng khác liền kề trong công tác bảo vệ rừng.

2. Công tác phát triển rừng.

- Về địa điểm, diện tích, loài cây, thời gian trồng rừng;
- Về địa điểm, diện tích khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng, chăm sóc, làm giàu rừng và các loài cây trồng dặm dưới tán rừng;
- Các hình thức cộng đồng dân cư thôn tham gia trồng rừng, khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng, chăm sóc, làm giàu rừng như tập trung trồng hay phân chia cho các hộ gia đình.

3. Các nội dung khác liên quan.

- Về quyền, nghĩa vụ của các thành viên cộng đồng trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và việc phân chia lợi ích thu được từ kết quả quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn.
- Trường hợp cộng đồng dân cư thôn đã được cơ quan Nhà nước thẩm quyền giao rừng, thì cần thảo luận kỹ quyền và nghĩa vụ của cộng đồng theo quy định tại Điều 30 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 và các văn bản khác liên quan.
- Hợp tác tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên cộng đồng trong các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và tổ chức dịch vụ sản xuất, tiêu thụ lâm sản trên diện tích rừng, đất lâm nghiệp Nhà nước giao.
- Hoạt động dịch vụ, du lịch sinh thái, lễ hội truyền thống những khu rừng Nhà nước giao.
- Về giải quyết, xử lý, bồi thường những vi phạm Quy ước.
- Đóng góp, quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của cộng đồng thôn.
- Khen thưởng và xử lý những tổ chức, cá nhân trong, ngoài cộng đồng dân cư thôn.

III. CÁC BƯỚC XÂY DỰNG QUY ƯỚC



Xây dựng Quy ước bao gồm 4 bước, cụ thể:

IV. Bước bốn: Phổ biến Quy ước

III. Bước ba: Dự thảo, hoàn chỉnh, phê duyệt Quy ước

II. Bước hai: Họp dân - Thảo luận các nội dung Quy ước

I. Bước một: Chuẩn bị

1. Bước một: (Chuẩn bị)

a) Tổ chức họp xã: Chủ tịch UBND xã chủ trì họp với đại diện các đoàn thể xã và các Trưởng thôn (mời bí thư Đảng bộ xã, bí thư chi bộ thôn, Kiểm lâm địa bàn tham dự) để thống nhất chủ trương, kế hoạch biện pháp triển khai xây dựng Quy ước, xác định mục tiêu chính của Quy ước ở từng cộng đồng dân cư thôn (bảo vệ rừng hay phát triển rừng hoặc cả bảo vệ và phát triển rừng).

b) Thu thập tài liệu: Sau khi có ý kiến của Uỷ ban nhân dân xã, Trưởng thôn với sự hỗ trợ của Kiểm lâm địa bàn, Tư pháp xã thu thập các tài liệu liên quan đến việc xây dựng Quy ước, như:

- Các quy định pháp luật và của cộng đồng về bảo vệ và phát triển rừng, phong tục, tập quán sinh hoạt cộng đồng...
- Các kết quả điều tra rừng, giao rừng gắn với đất lâm nghiệp, kế hoạch quản lý rừng cộng đồng...(nếu có);
- Quyền hưởng lợi và nghĩa vụ của cộng đồng đang được thực hiện;
- Các loại bản đồ hiện trạng, tài nguyên rừng của cộng đồng; sơ đồ về quy hoạch canh tác nương rẫy;
- Các tài liệu khác liên quan.

c) Tổ chức họp đại diện các hộ gia đình trong cộng đồng dân cư thôn.

Trưởng thôn dưới sự hỗ trợ của Kiểm lâm địa bàn tổ chức mời và chủ trì cuộc họp với đại diện các hộ gia đình trong cộng đồng dân cư thôn, già làng, bí thư chi bộ, đại diện Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên...và mời Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã tham dự họp.

Nội dung cuộc họp gồm:

- Thông nhất trình tự, thời gian xây dựng Quy ước, lựa chọn hình thức Quy ước và xác định những nội dung chính quy định trong Quy ước;

- bầu Ban quản lý rừng và Trưởng Ban quản lý rừng (nếu chưa có); Trưởng thôn hoặc già làng là Trưởng Ban quản lý rừng cộng đồng. Các thành viên được cộng đồng lựa chọn từ các đoàn thể như Chi bộ thôn, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên...Trưởng Ban chịu trách nhiệm điều hành, kiểm tra các hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn cộng đồng dân cư thôn.

- Thông nhất nhiệm vụ Ban quản lý rừng, gồm:

- + Xây dựng kế hoạch quản lý rừng cộng đồng;
- + Chủ trì việc soạn thảo Quy ước có sự hỗ trợ của Kiểm lâm địa bàn, Tư pháp xã;
- + Phân chia các nhóm hộ và phân công nhóm hộ thực hiện kế hoạch quản lý rừng, mỗi nhóm hộ có nhóm trưởng và nhóm phó;
- + Huy động vốn, nhân lực để thực hiện kế hoạch quản lý rừng;
- + Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý rừng; khai thác rừng và lâm sản ngoài gỗ và việc phân chia lợi ích từ rừng của cộng đồng;
- + Lập và thực hiện kế hoạch chi tiêu Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;
- + Lập báo cáo kết quả thực hiện quản lý rừng cộng đồng định kỳ cho xã.

- Thành lập các Tổ chuyên trách quản lý rừng cộng đồng.

Tùy theo điều kiện cụ thể của từng nơi, cộng đồng có thể thành lập các Tổ chuyên trách hoặc nhóm sở thích về lâm nghiệp (bảo vệ, trồng rừng, khai thác rừng...).

- Thành lập Tổ thanh tra lâm nghiệp, Tổ thanh tra lâm nghiệp có hai nhiệm vụ:

- + Giúp Trưởng thôn kiểm tra các hoạt động sản xuất của cộng đồng; giải quyết các tranh chấp, xác minh làm rõ các vụ vi phạm;
- + Đại diện cho quần chúng giám sát các hoạt động của lãnh đạo thôn, của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của cộng đồng.

2. Bước hai: (Dự thảo và thông qua dự thảo Quy ước)

a) Dự thảo Quy ước: Căn cứ Nghị quyết của cuộc họp đại diện thôn và thực tế của cộng đồng dân cư thôn, Trưởng Ban quản lý rừng thảo luận với các thành viên trong Ban Quản lý rừng, tiến hành dự thảo Quy ước và báo cáo Trưởng thôn sau khi dự thảo Quy ước cơ bản được hoàn chỉnh.

b) Thông qua Quy ước

- Trưởng thôn triệu tập họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn để thảo luận, thông qua từng nội dung của Quy ước và thông qua toàn văn Quy ước bằng hình thức biểu quyết;

- Quy ước chỉ được thông qua ở cộng đồng dân cư thôn khi có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn biểu quyết tán thành bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín;

- Nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn thì Trưởng thôn tổ chức lại cuộc họp. Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì Trưởng thôn phát phiếu lấy ý kiến của các hộ gia đình và gửi kèm theo bản dự thảo Quy ước;

- Cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn thông qua Quy ước phải được thành viên trong Ban quản lý rừng lập biên bản. Biên bản ghi rõ thời gian, thành phần, người chủ trì, đại biểu mời dự, các nội dung được thông qua, số cử tri hoặc cử tri đại diện tán thành, có chữ ký của người chủ trì Trưởng thôn và thư ký cuộc họp.

3. Bước ba: (Phê duyệt Quy ước)

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp cộng đồng dân cư thôn thông qua dự thảo Quy ước, Trưởng thôn gửi dự thảo Quy ước và Biên bản cuộc họp cộng đồng dân cư thôn đến Uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo Quy ước và biên bản cuộc họp cộng đồng dân cư thôn, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã phải lập văn bản đề nghị Uỷ ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Quy ước cộng đồng dân cư thôn và gửi kèm theo Quy ước và biên bản cuộc họp cộng đồng dân cư thôn;

- Trong trường hợp không đồng ý với dự thảo Quy ước thì UBND cấp xã gửi trả ngay cho Trưởng thôn và hướng dẫn sửa đổi, hoàn chỉnh;

- Trường hợp không đồng ý với dự thảo Quy ước hoặc văn bản của UBND xã thì Uỷ ban nhân dân cấp huyện phải gửi trả ngay cho Uỷ ban nhân dân cấp xã yêu cầu sửa đổi, hoàn chỉnh;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Uỷ ban nhân dân cấp xã, Uỷ ban nhân dân cấp huyện gửi dự thảo Quy ước và yêu cầu Phòng Tư pháp chủ trì phối hợp Hạt Kiểm lâm cấp huyện thẩm định Quy ước;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp tham mưu cho Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định công nhận Quy ước (phụ lục số 01 kèm theo). Trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Bước bốn (Tổ chức thực hiện Quy ước)

a) Phổ biến Quy ước

Sau khi Quy ước được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận Quy ước, Trưởng thôn tổ chức họp toàn thể nhân dân trong cộng đồng dân cư thôn để thông báo Quyết định phê duyệt Quy ước của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện, phổ biến toàn bộ nội dung của Quy ước và thống nhất các hoạt động tiếp theo, như:

- Trách nhiệm của Trưởng thôn, từng người dân trong cộng đồng dân cư thôn, Ban quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn;

- Lập kế hoạch theo dõi, giám sát việc thực hiện Quy ước;

- Lập kế hoạch phổ biến, tuyên truyền Quy ước, như tổ chức phát thanh, in, ấn phát Quy ước, tờ rơi đến các hộ gia đình thành viên, xây dựng sơ đồ bảo vệ và phát triển rừng của cộng đồng dân cư thôn...

b) Giám sát thực hiện Quy ước

Trưởng thôn chịu trách nhiệm giám sát, báo cáo Uỷ ban nhân dân xã về tình hình thực hiện Quy ước, gồm:

Giám sát việc thực hiện kế hoạch, cụ thể:

- + Thực hiện khai thác rừng (đúng vị trí, diện tích, khối lượng, đúng kỹ thuật);

- + Quản lý, bảo vệ rừng (chống chặt phá rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, canh tác nương rẫy, phòng trừ sinh vật hại rừng);

- + Các kế hoạch lâm sinh khác (khối lượng, kỹ thuật, chất lượng, hiệu quả);

- Giám sát việc thực hiện Quy ước (tình trạng vi phạm, việc xử lý, việc chia sẽ lợi ích...);

- Giám sát Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, bao gồm: các nguồn thu và chi, hiệu quả sử dụng Quỹ (đầu tư cho việc bảo vệ, xây dựng và phát triển rừng; hỗ trợ sản xuất, dịch vụ sản xuất, tín dụng...).

c) Đánh giá thực hiện Quy ước

Cuối năm, Trưởng thôn chủ trì tổ chức các cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn để đánh giá việc thực hiện Quy ước hoặc có thể lồng ghép vào các hoạt động sinh hoạt cộng đồng khác để đánh giá tình hình thực hiện Quy ước theo các tiêu chí sau:

- Kinh tế;

- Về lâm sinh và bảo vệ môi trường;

- Về xã hội.

Tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể mà lựa chọn các tiêu chí đánh giá phù hợp với từng cộng đồng dân cư thôn (Phụ lục số 02 kèm theo).

IV. QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY ƯỚC

1. Trách nhiệm của UBND các cấp.

1.1 Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

- a) Ban hành các cơ chế chính sách, tổ chức hướng dẫn việc xây dựng, thực hiện Quy ước phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

- b) Chỉ đạo các cơ quan nhà nước có liên quan ở địa phương lồng ghép các chương trình dự án trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ, phát triển rừng để góp phần xây dựng, thực hiện Quy ước.

1.2 Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp huyện.

- a) Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, Phòng Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với Uỷ ban nhân dân cấp xã và cộng đồng dân cư thôn trong việc xây dựng, thực hiện Quy ước.

- b) Bảo đảm kinh phí xây dựng và thực hiện Quy ước theo tổng hợp dự toán chi xây dựng và thực hiện Quy ước của từng cộng đồng dân cư thôn của Uỷ ban nhân dân xã.

Việc cấp, phát, thanh, quyết toán kinh phí xây dựng và tổ chức thực hiện Quy ước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- c) Quyết định công nhận Quy ước.

1.3 Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp xã.

- a) Lập kế hoạch xây dựng Quy ước trình Uỷ ban nhân dân cấp huyện và Hạt Kiểm lâm.

- b) Hàng năm, tổng hợp dự toán chi xây dựng và thực hiện Quy ước của từng cộng đồng dân cư thôn trong dự toán ngân sách trinh Hội đồng nhân dân xã xem xét quyết định.

- c) Đôn đốc, hướng dẫn cộng đồng dân cư thôn xây dựng, thực hiện Quy ước; phối hợp với Kiểm lâm địa bàn hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy ước.

- d) Giải quyết những tranh chấp về xây dựng, thực hiện Quy ước theo thẩm quyền.

1.4 Trách nhiệm của Trưởng thôn.

- a) Chủ trì việc xây dựng, thực hiện và giám sát, đánh giá Quy ước.

- b) Chủ trì cùng các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở và già làng tổ chức việc hoà giải những tranh chấp, vi phạm Quy ước.

- c) Giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng, thực hiện Quy ước.

2. Trách nhiệm của các ngành liên quan

2.1 Trách nhiệm của Cục Kiểm lâm.

Chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra tổng hợp kết quả xây dựng, thực hiện Quy ước trong phạm vi toàn quốc.

2.2 Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- a) Tham mưu cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách liên quan đến quản lý rừng cộng đồng, xây dựng, thực hiện Quy ước phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

- b) Xây dựng các tiêu chí và chỉ tiêu giám sát, đánh giá, hướng dẫn thực hiện việc quản lý rừng cộng đồng và thực hiện Quy ước phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

2.3 Trách nhiệm của Chi Cục Kiểm lâm.

- Chủ trì, phối hợp Chi cục Lâm nghiệp và tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp Sở Tư pháp tham mưu cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cụ thể xây dựng, thực hiện Quy ước phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương;

- Chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm phối hợp với Uỷ ban nhân dân cấp xã hỗ trợ cho cộng đồng dân cư thôn xây dựng, thực hiện Quy ước;

- Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp tình hình xây dựng, thực hiện Quy ước trên địa bàn báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh và Cục Kiểm lâm.

2.4 Trách nhiệm của Hạt Kiểm lâm.

- Hướng dẫn Uỷ ban nhân dân cấp xã và chỉ đạo Kiểm lâm địa bàn phối hợp Trưởng thôn xây dựng, thực hiện Quy ước;

- Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp tình hình xây dựng, thực hiện Quy ước báo cáo Chi cục Kiểm lâm.

Phụ lục 3 - Quyết định công nhận bản “Quy ước bảo vệ và Phát triển rừng”

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> ngày..... tháng..... Năm.....
-----------------------	---

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận Bản “Quy ước bảo vệ và phát triển rừng”

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN.....

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 và Nghị định số 23/2006/NĐ-CP Ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;
- Căn cứ Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 20 tháng 4 năm 2007;

Xét đề nghị của UBND xã..... và ý kiến của Trưởng Phòng Tư pháp huyện.....

QUYẾT ĐỊNH:

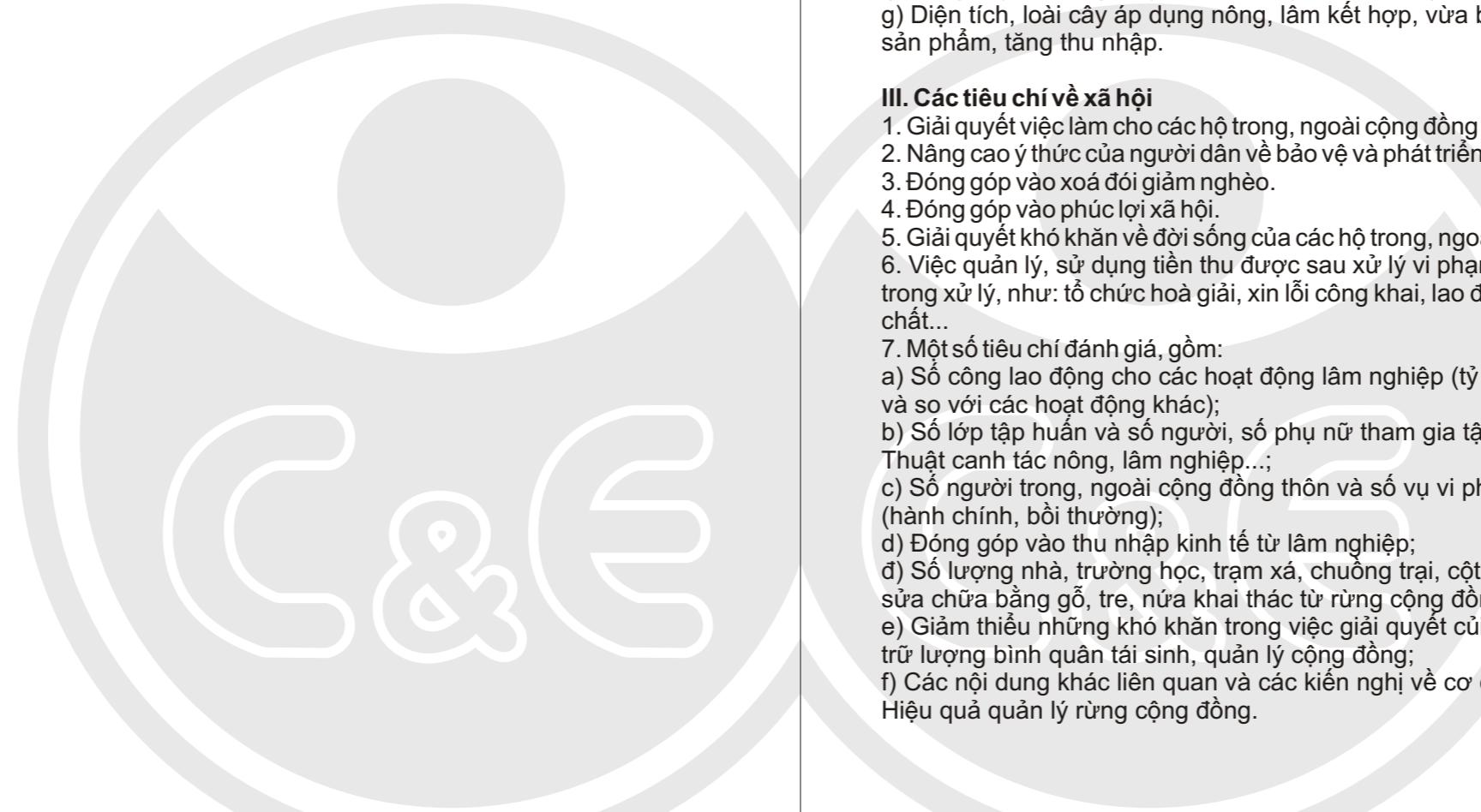
Điều 1. Công nhận Bản “Quy ước bảo vệ và phát triển rừng” của cộng đồng..... thôn..... thuộc xã..... huyện..... tỉnh.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng thôn..... có trách nhiệm cùng các hộ gia đình trong cộng đồng dân cư thôn tổ chức thực hiện tốt nội dung bản Quy ước bảo vệ và phát triển rừng. Chủ tịch UBND xã....., Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, các Trưởng phòng thuộc huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ thôn..... tổ chức thực hiện tốt Quy ước bảo vệ và phát triển này.

TM. UBND HUYỆN
CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Noi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT.



Phụ lục 4 - Tiêu chí đánh giá thực hiện quy ước

I. Các tiêu chí về kinh tế

1. Diện tích rừng của cộng đồng đã được trồng, bảo vệ, khoanh nuôi, trồng bổ sung, chất lượng các loại rừng; tổng kinh phí đầu tư (bằng nguồn vốn của cộng đồng, bằng các nguồn vốn khác).
2. Diện tích rừng cộng đồng nhận khoán để trồng rừng, khoanh nuôi, trồng bổ sung, tổng kinh phí nhận khoán.
3. Khối lượng lâm sản khai thác từ rừng (gỗ, củi, lâm sản ngoài gỗ) cho tiêu dùng, để bán.
4. Thu nhập bằng tiền của cộng đồng từ khai thác lâm sản, thực hiện dự án của Nhà nước và của các tổ chức, từ các hợp đồng với chủ rừng khác.

II. Các tiêu chí về lâm sinh và bảo vệ môi trường

1. Bảo vệ nguồn nước.
2. Bảo vệ và sử dụng hợp lý đất đai.
3. Bảo vệ, duy trì và phát triển các loài cây quý hiếm trong rừng tự nhiên và các loài cây bản địa được trồng lại.
4. Cải thiện môi trường của thôn.
5. Một số chỉ tiêu đánh giá gồm:
 - a) Diện tích rừng, độ che phủ của rừng so với năm trước, giai đoạn trước;
 - b) Diện tích rừng được bảo vệ không bị chặt phá;
 - c) Khai thác đúng kỹ thuật, chất lượng rừng tăng (nhiều loài cây có giá trị được tái sinh...);
 - d) Các suối, ao, hồ được duy trì nguồn nước;
 - e) Diện tích đất đai bị xói lở;
 - f) Trồng cây bổ sung, cây bản địa, cây đa tác dụng;
 - g) Diện tích, loài cây áp dụng nông, lâm kết hợp, vừa bảo vệ đất, vừa đa dạng hóa sản phẩm, tăng thu nhập.

III. Các tiêu chí về xã hội

1. Giải quyết việc làm cho các hộ trong, ngoài cộng đồng dân cư thôn.
2. Nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ và phát triển rừng.
3. Đóng góp vào xoá đói giảm nghèo.
4. Đóng góp vào phúc lợi xã hội.
5. Giải quyết khó khăn về đời sống của các hộ trong, ngoài cộng đồng dân cư thôn.
6. Việc quản lý, sử dụng tiền thu được sau xử lý vi phạm Quy ước và những vấn đề khác trong xử lý, như: tổ chức hòa giải, xin lỗi công khai, lao động công ích, bồi thường bằng vật chất...
7. Một số tiêu chí đánh giá, gồm:
 - a) Số công lao động cho các hoạt động lâm nghiệp (tỷ lệ tăng, giảm so với trước đây và so với các hoạt động khác);
 - b) Số lớp tập huấn và số người, số phụ nữ tham gia tập huấn về quản lý rừng, kỹ Thuật canh tác nông, lâm nghiệp...;
 - c) Số người trong, ngoài cộng đồng thôn và số vụ vi phạm Quy ước, tình hình xử lý (hành chính, bồi thường);
 - d) Đóng góp vào thu nhập kinh tế từ lâm nghiệp;
 - e) Số lượng nhà, trường học, trạm xá, chuồng trại, cột điện...được xây mới, được sửa chữa bằng gỗ, tre, nứa khai thác từ rừng cộng đồng thôn;
 - f) Giảm thiểu những khó khăn trong việc giải quyết cùi, lâm sản đối với cộng đồng, trữ lượng bình quân tái sinh, quản lý cộng đồng;
 - f) Các nội dung khác liên quan và các kiến nghị về cơ chế, chính sách để nâng cao Hiệu quả quản lý rừng cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Bảo vệ và phát triển rừng 2004.
2. Quyết định 186/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý rừng.
3. Quyết định 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/07/2005 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành Quy chế về khai thác gỗ và lâm sản khác.
4. Thông tư số 70/2007/TT-BNN ngày 01/8/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện Quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn;
5. Hội Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam (2007). Sổ tay hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng.

